



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 22

Ngày 15 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

29/03/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 04/NQ-HĐND về việc bầu Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân các khu vực trên địa bàn tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031	2
29/03/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 09/NQ-HĐND ban hành Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh Khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031	31
29/03/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 10/NQ-HĐND kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2026 của HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031	40

UBND TỈNH

22/03/2026	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 11/CT-UBND về nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026	61
29/03/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 12/CT-UBND về nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La	66

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bầu Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh và
Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân các khu vực
trên địa bàn tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-TANDTC-UBTWMTTQVN ngày 01 tháng 3 năm 2004 của Tòa án nhân dân tối cao - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn về việc chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15 ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm;

Xét đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tại Tờ trình số 52/TTr-MTTQ-BTT ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Biên bản kiểm phiếu bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, Hội thẩm Tòa án nhân dân khu vực nhiệm kỳ 2026 - 2031.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu 233 vị Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân các khu vực trên địa bàn tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031, như sau:

1. Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh: 20 vị.
2. Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân khu vực I: 40 vị.
3. Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân khu vực II: 30 vị.
4. Hội thẩm Tòa án nhân dân khu vực III: 35 vị.
5. Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân khu vực IV: 39 vị.
6. Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân khu vực V: 35 vị.
7. Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân khu vực VI: 34 vị.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, các vị đại biểu HĐND tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các vị Hội thẩm Tòa án nhân dân có tên tại điều 1 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA NHIỆM KỲ 2026 - 2031
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tài cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Quản Thị Dung	03/02/1968	Tổ 12 Chiềng Lè, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Kinh	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Phó Trưởng ban Thường trực Ban Nội chính Tỉnh ủy	x	
2	Trịnh Lan Anh	18/10/1970	Tổ 11 Quyết Tâm, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Kinh	Cử nhân kinh tế chính trị	Cao cấp	Trưởng phòng Giáo dục Mầm non - Tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	x	
3	Vì Thị Bình	08/4/1973	Tổ 13 Quyết Thắng, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Thái	Thạc sỹ Lịch sử	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	x	
4	Phạm Văn Chung	22/9/1960	Tổ 6, Tô Hiệu, Sơn La	Nam	Kinh	Cử nhân Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy	x	
5	Đinh Thị Kim Dung	10/02/1962	Tổ 5, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Mường	Cử nhân Luật; cử nhân kinh tế	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Phó Ban pháp chế HĐND tỉnh	x	
6	Bùi Thị Đào	28/6/1963	Tổ 10 Quyết Thắng, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Mường	Cử nhân Luật	Sơ cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ - Cục thuế tỉnh	x	
7	Quảng Thị Hương	08/01/1976	Tổ 5, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Thái	Kỹ sư trồng trọt	Cao cấp	Phó Trưởng ban Ban công tác nông dân, UBMT TQ Việt Nam tỉnh	x	
8	Nguyễn Văn Khiển	22/01/1964	Tổ 14 Quyết Thắng, Tô Hiệu	Nam	Kinh	Cử nhân báo chí	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Phó chủ tịch TT, Thủ trưởng cơ quan Liên đoàn lao động tỉnh	x	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
9	Trần Thị Nga	16/11/1966	Tổ 5 Chiềng Lè, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Kinh	Cử nhân Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Trưởng phòng kiểm tra theo Điều 32 cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ	x	
10	Nguyễn Hồng Sơn	19/12/1960	Tổ 15 Quyết Thắng, Tô Hiệu, Sơn La	Nam	Kinh	Cử nhân Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Trưởng ban Dân chủ pháp luật Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	x	
11	Lý A Tu	07/9/1980	Tổ 2, Chiềng Sinh, Sơn La	Nam	Mông	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Cao cấp	Phó Chánh Văn phòng UBMT Tổ quốc VN tỉnh	x	
12	Nguyễn Thị Kim Thanh	30/9/1967	Tổ 2 Chiềng Lè, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Kinh	Thạc sỹ Lý luận và PP giảng dạy chính trị	Cao cấp	Cán bộ hưu trí, nguyên là Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh	x	
13	Nguyễn Văn May	11/01/1970	Tổ 9 Chiềng Lè, Tô Hiệu, Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Cao cấp	Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ		
14	Hoàng Thị Duyên	26/8/1976	Tổ 13 Quyết Thắng, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Kinh	Cử nhân Luật	Cao cấp	Trưởng phòng Tổng hợp và phổ biến giáo dục pháp luật - Sở Tư pháp		
15	Quảng Thị Ván	15/9/1977	Tổ 1 Chiềng Lè, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Thái	Thạc sỹ Quản lý Kinh tế	Cao cấp	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh kiêm trưởng ban công tác phụ nữ		
16	Đình Minh Thái	01/9/1964	Tổ 6 Quyết Thắng, Tô Hiệu, Sơn La	Nam	Mường	Đại học Quân sự	Cao cấp	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh		
17	Lường Thị Hương Quỳnh	28/02/1983	Bản Lầu, Tô Hiệu, Sơn La	Nữ	Thái	Cử nhân Luật	Không	Chuyên viên Văn phòng HĐND - UBND phường Chiềng Sinh		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tải cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
18	Bùi Thị Thanh	15/8/1980	Bản Nong La, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Nữ	Mường	Cử nhân Luật	Trung cấp	Chuyên viên Văn phòng HĐND - UBND phường Chiềng Sinh		
19	Cà Văn Sáng	08/8/1975	Bản Phường, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Cử nhân Luật	Trung cấp	Chuyên viên Văn phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị UBND phường Chiềng Sinh		
20	Bùi Thị Thu Phương	11/9/1991	Tổ 15 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Thạc sĩ quản lý văn hoá	Cao cấp	Phó trưởng Ban Công tác đoàn và thanh thiếu nhi		

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 01 NHIỆM KỲ 2026 - 2031
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Cà Văn Thanh	21/11/1962	Bản Giảng Lắc, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Cử nhân Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu trí (Phó Chánh VP VKSND tỉnh Sơn La)	x	
2	Hoàng Thanh Thuý	05/05/1974	Tổ 3 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Ngữ văn	Cao cấp	Cán bộ hưu trí (Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Sơn La)	x	
3	Trần Quốc Bình	14/11/1968	Tổ 03, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Hiệu trưởng trường tiểu học Quyết Thắng.	x	
4	Vũ Xuân Bình	18/04/1972	Tổ 4 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Luật	Cao cấp	Phó chủ tịch UBND phường Chiềng An	x	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	18/08/1964	Tổ 7 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu	Nữ	Kinh	Cử nhân Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu trí (Thẩm tra viên Toà án tỉnh Sơn La)	x	
6	Lèo Văn Hường	21/4/1975	Phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Quản lý văn hóa giáo dục	Cao cấp	Phó trưởng Phòng kinh tế Phường Chiềng An	x	
7	Quàng Thị Kim	06/06/1979	Bản Pàng, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Quản lý nhà nước	Trung cấp	Phó Chủ tịch MTTQ + Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Chiềng An	x	
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan	20/07/1965	Tổ 02, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Kinh Tế	Trung cấp	Cán bộ hưu trí (Quyền trưởng phòng TCCB TT GD TX tỉnh Sơn La)	x	
9	Hà Thị Thanh Liêm	02/02/1964	Bản Giảng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Cao đẳng sư phạm	Trung cấp	Cán bộ hưu trí (Giáo viên Trường THCS Quyết Thắng)	x	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
10	Tông Văn Loan	03/07/1960	Bản Hải, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Chuyên khoa I (sau đại học)	Sơ cấp	Cán bộ hưu trí (Dược sỹ Bệnh viện tỉnh Sơn La)	x	
11	Quảng Văn Ngoan	24/06/1975	Tổ 4, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Luật	Trung cấp	Công chức Tư pháp UBND Phường Chiềng An	x	
12	Lò Thị Quỳnh	26/03/1964	Tổ 03, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu trí (Phó chủ nhiệm UBKT thành uỷ Sơn La)	x	
13	Bồ Thị Thái	03/12/1963	Tổ 10 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Cao đẳng sư phạm	Không	Cán bộ hưu trí (Giáo viên Trường Tiểu học Chiềng Lè)	x	
14	Đoàn Thị Thuý	03/4/1963	Tổ 02, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu trí (Phó Chánh Thanh tra thành phố Sơn La)	x	
15	Lò Quốc Việt	16/05/1991	Tổ 03, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Cao cấp	Chủ nhiệm UBKT phường Chiềng Sinh	x	
16	Lò Minh Ngọc	18/9/1968	Bản Mường Bú, xã Mường Bú	Nam	Thái	Đại học chính trị	Cử nhân	Cán bộ hưu trí	x	
17	Nguyễn Thị Hương	01/10/1962	Tiểu khu 1, xã Mường La	Nữ	Kinh	Đại học sư phạm	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	x	
18	Quảng Thị Hòa	10/6/1968	Tiểu khu 1, xã Mường La	Nữ	La Ha	Đại học Nông nghiệp	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	x	
19	Cà Văn Đại	27/10/1973	Tiểu khu 1, xã Mường La	Nam	Thái	Đại học SP, chuyên ngành Giáo dục chính trị	Cao cấp	Đảng uỷ xã Chiềng Lao	x	
20	Lù Văn Mẫn	09/12/1964	Tiểu khu 5, xã Mường La	Nam	Thái	Đại học Nông Lâm nghiệp kết hợp	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	x	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
21	Tòng Văn Máy	15/10/1968	Tiểu khu 5, xã Mường La	Nam	Thái	Đại học Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	x	
22	Nguyễn Văn Chức	16/9/1981	Tổ 4 Chiềng Lè Phường Tô Hiệu	Nam	Kinh	Thạc sỹ Bác sỹ chuyên khoa 1- y học gia đình	Cao cấp	Trung tâm Y tế khu vực Mường La	x	
23	Đoàn Quang Mạnh	27/11/1979	Tiểu khu Nang Cau, xã Mường La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Cao cấp	Trường ban Xây dựng Đảng xã Ngọc Chiến	x	
24	Trần Thị Thúy	06/4/1963	Tiểu khu 1, xã Mường La	Nữ	Kinh	Cao đẳng sư phạm	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	x	
25	Vương Nguyệt Nga	28/09/1974	Bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nữ	Tày	Cử nhân Luật	Cao cấp lý luận	Cán bộ hưu		
26	Lò Văn Vương	05/02/1965	Tiểu khu 3, xã Mường La, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Quản lý văn hóa	Trung cấp LLCT	Cán bộ hưu trí		
27	Quản Hồng Yên	19/04/1970	Bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học kế toán	Trung cấp LLCT	Cán bộ hưu trí (Phó phòng quản lý hỗ trợ doanh nghiệp Chi cục thuế khu vực IX, Sơn La)		
28	Lại Thị Thu	09/5/1997	Tổ 8, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Quản trị nhân lực	Trung cấp	Phó chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam - Bí thư Đoàn phường		
29	Lường Quang Yên	27/9/1972	Tổ 01, phường Chiềng Cỏi, tỉnh Sơn La	Nam	Khơ Mú	Đại học Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu trí (nguyên Phó cục Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La)		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
30	Vàng Thị Thu	29/11/1991	Tổ 11, phường Chiềng Sinh	Nữ	Mông	Đại học văn hóa các dân tộc thiểu số	Trung cấp	Đảng ủy phường Chiềng Sinh		
31	Hà Văn Chương	17/5/1978	Bản Giảng Lắc, phường Tô Hiệu	Nam	Thái	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Cao cấp	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường Chiềng Cơi		
32	Phạm Thái Hưng	22/10/1979	Tổ 1 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu	Nam	Kinh	Đại học chuyên ngành Văn học	Trung cấp	Hiệu trưởng trường THCS Chiềng An		
33	Nguyễn Xuân Ước	20/10/1975	Tổ 3 phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Lâm nghiệp	Cao cấp	Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Chiềng Sinh		
34	Nguyễn Tiến Phương	27/7/1969	Tổ 1 Chiềng Lè phường Tô Hiệu	Nam	Kinh	Đại học Quản lý đất đai	Trung cấp	Cán bộ lưu trí (nguyên Phòng Tài Nguyên và môi trường TP Sơn La)		
35	Đặng Đình Dũng	08/2/1981	Tiểu khu hua trai, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; Tạm trú, tổ 10, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ sinh học	Cao cấp	Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Sơn La		
36	Lò Thị Khánh An	02/10/1985	Tổ 08, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Kế toán	Trung cấp	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ		
37	Lâm Văn Minh	20/08/1983	Tổ 13, phường Tô Hiệu	Nam	Kinh	Đại học Kế toán	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu		
38	Vũ Đăng Đức	09/01/1987	Tổ 6, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Cao cấp	Phó trưởng ban xây dựng Đảng phường Tô Hiệu		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
39	Trình Thế Dũng	06/02/1993	Bản Buôn, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Trung cấp	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Bí thư đoàn thanh niên phường Tô Hiệu		
40	Nguyễn Quốc Định	17/12/1991	Tổ 4 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học sư phạm	Trung cấp	Bí thư đoàn Trường THPT chuyên Sơn La		

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 02 NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Nguyễn Hữu Hải	23/6/1977	Tiểu khu 6, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Thạc sỹ khoa học giáo dục	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBND xã Muối Nổi	x	
2	Đặng Xuân Tư	10/01/1964	Tiểu khu 6, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Đại học Sư phạm; Cử nhân Hành chính	Cao cấp	Cán bộ Hưu	x	
3	Thào A Páo	11/9/1978	Bản Công Chạp, xã Bình Thuận	Nam	Mông	Đại học Lâm sinh Đại học chính trị học (chuyên ngành công tác tôn giáo, tỉnh ngừng)	Cao cấp	Giám đốc trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã Mường É	x	
4	Lý Thị Vinh	28/8/1968	Tiểu khu bản Pán, xã Thuận Châu	Nữ	Thái	Đại học Kế toán	Trung cấp	Cán bộ Hưu	x	
5	Lường Thị Thảo	26/10/1984	Tiểu khu bản Pán, xã Thuận Châu	Nữ	Thái	Đại học Quản lý văn hóa	Trung cấp	Chuyên viên Phòng VHXX xã Thuận Châu	x	
6	Thào Thị Chứ	06/10/1984	Tiểu khu 5, xã Thuận Châu	Nữ	Mông	Đại học Luật	Trung cấp	Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã Thuận Châu	x	
7	Lê Bích Thuận	21/6/1970	Tiểu khu 6, xã Thuận Châu	Nữ	Kinh	ĐH Sư phạm	Trung cấp	Trưởng TH&THCS Púng Tra, xã Nậm Lầu	x	
8	Lường Thị Tươi	16/8/1985	Bản Ba Nhát 1, xã Thuận Châu	Nữ	Thái	Đại học Quản lý hành chính Nhà nước	Trung cấp	Chuyên viên MTTQ Việt Nam xã Thuận Châu	x	
9	Vì Thị Tiến	08/5/1969	Tiểu khu 2 xã Quỳnh Nhai	Nữ	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Cán bộ hưu xã Quỳnh Nhai	x	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
10	Nguyễn Mạnh Cường	02/8/1978	Tiểu khu 3 xã Quỳnh Nhai	Nam	Kinh	Đại học Sư phạm	Cao cấp	UBKT Đảng ủy xã Mường Chiến	x	
11	Cầm Thị Hồng Thanh	23/12/1977	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai	Nữ	Thái	Đại học Sư phạm	Trung cấp	Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Mường Giàng, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	x	
12	Vũ Duy Khang	10/3/1975	Tiểu khu 4, xã Quỳnh Nhai	Nam	Kinh	Đại học Y	Cao cấp	Giám đốc trung tâm y tế khu vực Thuận Châu	x	
13	Đieu Chính Xuân	24/8/1961	Tiểu khu 5, xã Quỳnh Nhai	Nam	Thái	Đại học Quân sự	Trung cấp	Chủ tịch hội Cựu chiến binh huyện	x	
14	Hoàng Trung Trọng	22/12/1969	Tiểu khu, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Đại học Nông nghiệp	Trung cấp	Cán bộ hưu xã Thuận Châu	x	
15	Lò Anh Viễn	22/11/1979	Tiểu khu 5, xã Thuận Châu	Nam	Thái	Đại học sư phạm Tn	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBND xã Mường É		
16	Lường Văn Chuyên	01/03/1980	Tiểu khu bản pán, xã Thuận Châu	Nam	Thái	Đại học Công tác xã hội	Trung cấp	Chủ tịch Hội nông dân xã Bình Thuận		
17	Nguyễn Đình Trọng	05/08/1995	Bản Nà Khoang, xã Mường É, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Trung cấp	Bí thư Đoàn xã Bình Thuận		
18	Đặng Văn Lâm	05/12/1982	Tiểu khu 5, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Đại học Kế toán	Trung cấp	Chủ nhiệm UBKT xã Nậm Lầu		
19	Lường Thị Minh	24/6/1994	Bản Lái, xã Nậm Lầu	Nữ	Thái	Đại học Kinh tế	Trung cấp	Bí thư Đoàn xã Nậm Lầu		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
20	Lường Thu Huyền	08/9/1986	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu	Nữ	Thái	Đại học Kế toán	Sơ cấp	Chuyên viên Văn phòng Đăng ủy xã Nậm Lầu		
21	Lò Văn Úc	16/01/1970	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu	Nam	Thái	Đại học Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu xã Thuận Châu		
22	Lò Minh Thương	30/9/1969	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu	Nam	Thái	Đại học Luật	Sơ cấp	Cán bộ hưu xã Thuận Châu		
23	Cầm Văn Tùng	26/9/1964	Thôn 1, xã Thuận Châu	Nam	Thái	Đại học Sư phạm	Trung cấp	Cán bộ hưu xã Thuận Châu		
24	Nguyễn Châu Phúc	03/4/1964	Tiểu khu 6, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Trung cấp y	Sơ cấp	Cán bộ hưu xã Thuận Châu		
25	Hoàng Thị Lả	29/7/1977	Tiểu khu 4, xã Quỳnh Nhai	Nữ	Thái	Đại học lưu trữ học và quản trị văn phòng	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBNDTTQ xã Quỳnh Nhai		
26	Nguyễn Ngọc Anh	12/02/1998	Tiểu khu 4, xã Quỳnh Nhai	Nam	Kinh	Đại học giáo dục chính trị	Trung cấp	Bí thư đoàn xã Quỳnh Nhai		
27	Nguyễn Tiến Thành	11/01/1982	Tiểu khu 2, xã Quỳnh Nhai	Nam	Kinh	Đại học chuyên ngành xây dựng Dân dụng và công nghệ	Cao cấp	Trưởng phòng kinh tế xã Quỳnh Nhai		
28	Nguyễn Danh Thuận	29/11/1977	Tiểu khu 2, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Cao cấp	Chủ tịch UBNDTTQ xã Thuận Châu		
29	Đinh Thị Bích Phương	09/02/1994	Tiểu khu 5, xã Thuận Châu	Nữ	Kinh	Đại học Kế toán	Trung cấp	Phó Chủ tịch UBNDTTQ, bí thư đoàn xã Thuận Châu		
30	Nhữ Quang Hưng	27/5/1965	Tiểu khu 1, xã Thuận Châu	Nam	Kinh	Đại học sư phạm Toán	Trung cấp	Cán bộ hưu xã Thuận Châu		

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 03 NHIỆM KỲ 2026 - 2031
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Quảng Văn Tiệp	02/4/1964	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Cử nhân luật	Cao cấp	Trưởng đoàn, Nguyên cán bộ Phòng tư pháp	X	
2	Lường Thị Khuyển	30/9/1968	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Trung cấp công tác xã hội	Trung cấp	Nguyên cán bộ phụ nữ	X	
3	Nguyễn Chí Thành	22/8/1979	Tổ 5, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Kỹ sư Lâm sinh	Cao cấp	Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Chiềng Sơ	X	
4	Thào Thị Mỹ Duyên	11/4/1983	Tổ 9, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nữ	Mông	Đại học Quản lý đất đai	Sơ cấp	Chuyên viên - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Huổi Một	X	
5	Trần Thị Kim Xuân	05/01/1977	Tổ 3, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Cử nhân Kinh tế	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBND xã Huổi Một	X	
6	Nguyễn Văn Cường	10/4/1981	Tổ 4, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; Đại học: Thú y	Cao cấp	Trung tâm dịch vụ xã Huổi Một	X	
7	Lò Văn Chung	23/01/1972	Tổ 5, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Cử nhân Kinh tế	Cao cấp	Nguyên cán bộ thanh tra	X	
8	Đình Văn Kiên	15/9/1983	Bản Cánh Kiến, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Mường	Đại học Luật; Đại học Quản trị kinh doanh	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBND xã Bó Sinh, Nguyên là giáo viên	X	
9	Vàng A Nénh	22/12/1980	Tổ 7, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Mông	Cử nhân Sư phạm giáo dục chính trị	Cao cấp	Chức nhiệm UBKT Đảng ủy xã Chiềng Khương	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
10	Lò Văn Thôn	08/10/1962	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Khơ Mú	Không	Sơ cấp	Cán bộ nghỉ hưu	X	
11	Nguyễn Văn Phúc	01/5/1971	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Quản lý Đất đai	Cao cấp	Nguyên cán bộ TNMT	X	
12	Quảng Văn Biên	30/12/1965	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Khơ mú	Trung cấp hành chính văn thư	Trung cấp	Nguyên Chủ tịch HĐND xã	X	
13	Lò Thị Thành	20/7/1973	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại Học Y	Cao cấp	Phó Giám đốc - Trung tâm Y tế khu vực Sông Mã	X	
14	Dương Hữu Hào	09/8/1975	Tổ 4, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Luật	Cao cấp	Phó Chủ tịch HĐND xã Sông Mã	X	
15	Cầm Văn On	09/11/1983	Bản Lọng Phát, xã Púng Bính, tỉnh Sơn La	Nam	Khơ Mú	Cử nhân Công tác xã hội	Trung cấp	PCT Thường trực MTTQ VN, Chủ tịch hội CCB xã Púng Bính	X	
16	Tòng Văn Hường	30/8/1963	Bản Nà Lóc, xã Sốp Cộp	Nam	Thái	Cử nhân kinh tế	Trung cấp	Nguyên là Cựu chiến binh	X	
17	Vũ Quyết Thắng	01/5/1985	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học kinh tế	Trung cấp	Phó Giám đốc PGD NHCSXH Sốp Cộp	X	
18	Phan Thanh Lăng	12/12/1982	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ chuyên ngành quản lý kinh tế	Cao cấp	Phó Chủ tịch UBND xã Púng Bính, Nguyên giáo viên	X	
19	Tòng Văn Dũng	24/11/1982	Bản Nà Lóc, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Phó Chủ nhiệm ý ban Kiểm tra Đảng ủy xã Púng Bính	X	
20	Vũ Văn Thuật	15/12/1964	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học xã hội học	Cao cấp	Cán bộ nghỉ hưu, Nguyên là Giáo viên		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
21	Nguyễn Văn Hoan	14/01/1976	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ giáo dục và phát triển công cộng	Cao cấp	Giáo viên - Giám đốc Trường Trung tâm giáo dục thường xuyên Sông Mã		
22	Ha Văn Thập	12/12/1994	Bản Lung, xã Bó Sinh, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Luật	Trung cấp	Ủy ban kiểm tra Đảng xã Mường Lầm, nguyên cán bộ huyện Đoàn		
23	Giảng Bá Gầu	03/2/1991	Bản Xia Kia, xã Chiềng Khoang, tỉnh Sơn La	Nam	Mông	Đại học luật	Trung cấp	Phó Chủ tịch UBMTTQ, Bí thư đoàn xã Chiềng Khoang		
24	Quảng Văn Diên	04/4/1973	Tổ 4, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Thạc sỹ kinh tế	Cao cấp	Giám đốc Bảo hiểm xã hội Sông Mã		
25	Dương Ngọc Tam	03/4/1963	Tổ 5, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Cử nhân luật	Cao cấp	Nguyên là Thẩm phán huyện Sốp Cộp (cũ)		
26	Đình Công Hiệp	12/8/1987	Bản Phứa Cón, Phường Chiềng An, tỉnh Sơn La	Nam	Mường	Đại học luật	Trung cấp	Nguyên cán bộ Sở Tư pháp		
27	Lò Văn Duân	16/9/1985	Bản Chả Huổi, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học kinh tế Nông nghiệp	Trung cấp	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Mường Lầm		
28	Lường Thu Uyên	20/4/1977	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học luật	Cao cấp	Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Sốp Cộp		
29	Hoàng Văn Tùng	23/3/1971	Tổ 9, Quyết Thắng, Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Cao cấp	Giáo viên - Hiệu trưởng Trường PTDTNT, THCS và THPT Sông Mã		
30	Lường Văn Bích	21/01/1964	Tổ 4, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Luật	Sơ cấp	Nguyên cán bộ THS dân sự nghỉ hưu		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
31	Lường Thị Loan	05/10/1994	Bản Nà Tông xã Nậm Ty, rinh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Nông học	Trung cấp	Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Nậm Ty		
32	Tòng Văn Dân	15/02/1986	Bản Chiềng Cang, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Quản lý đất đai	Trung cấp	PCT Thường trực MTTQ VN, chủ tịch hội CCB xã Mường Hung		
33	Lò Thị Hoa	17/4/1988	Tổ dân phố 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học truyền thông đại chúng và cử nhân chính trị dân vận	Cao cấp	CT UBMTTQ Việt Nam xã Sông Mã		
34	Trần Thu Huế	25/01/1988	Tổ dân phố 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Kế toán	Cao cấp	Trưởng phòng kinh tế xã Sông Mã		
35	Hà Văn Tươi	25/4/1972	Tổ 2, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Kinh tế quốc dân	Cao cấp	Cán bộ hưu trí		

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 04 NHIỆM KỲ 2026 - 2031
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Vũ Hữu Hương	11/8/1962	Tiểu khu 8, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học chăn nuôi thú y	Cao cấp	Hưu trí	X	
2	Hà Thị Nhung	25/12/1984	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn	Nữ	Thái	Đại học Báo chí	Cao cấp	ĐHND xã Chiềng Mung	X	
3	Hoàng Thị Ngọc Ngân	24/6/1981	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn	Nữ	Thái	Thạc sỹ xây dựng Đảng	Cao cấp	Đảng ủy xã Chiềng Sung	X	
4	Hoàng Minh Xuân	07/9/1963	Tiểu khu 1, xã Yên Châu	Nam	Thái	Đại học tài chính kinh tế	Cao cấp	Hưu trí	X	
5	Mùa Thị Mỹ	14/9/1977	Bản Pa Kha 2, xã Yên Châu	Nữ	Mông	Đại học kinh tế nông nghiệp	Cao cấp	Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Lóng Phiêng	X	
6	Đỗ Tiến Hiệt	01/6/1963	Tiểu khu 1, xã Yên Châu	Nam	Kinh	Đại học sư phạm	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
7	Hà Chí Thanh	11/11/1967	Tiểu khu 2, xã Yên Châu	Nam	Thái	Đại học Nông nghiệp	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
8	Nguyễn Thị Thu Hà	07/4/1985	Xã Yên Châu	Nữ	Kinh	Đại học Quản lý Kinh tế	Trung cấp	Chánh VP Đảng ủy xã Chiềng Hặc	X	
9	Lò Thị Giang	22/7/1986	Tiểu khu Mường Khương, xã Yên Châu	Nữ	Thái	Đại học Quản lý Kinh tế	Trung cấp	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Yên Châu	X	
10	Vì Thị Vinh	06/06/1984	Tiểu khu 6, xã Yên Châu	Nữ	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Yên Sơn	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
11	Vũ Văn Thái	23/11/1993	Tiểu khu Nà Và, xã Yên Châu	Nam	Thái	Đại học giáo dục chính trị	Trung cấp	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Yên Châu	X	
12	Hoàng Hải Yên	08/02/1979	Xã Yên Châu	Nữ	Thái	Thạc sỹ quản lý giáo dục	Cao cấp	Trung tâm chính trị xã Yên Châu	X	
13	Hà Minh Quân	26/6/1968	Tiểu khu 8, xã Mai Sơn	Nam	Thổ	Đại học Luật	Cao cấp	Hưu trí		
14	Trần Văn Hiền	09/06/1971	Tiểu khu 6, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Thạc sỹ phát triển nông thôn	Cao cấp	Hưu trí		
15	Đặng Minh Văn	05/12/1967	Tiểu khu 15, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học sư phạm	Cao cấp	Hưu trí		
16	Nguyễn Thị Lý	01/7/1967	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn	Nữ	Kinh	Đại học sư phạm	Cao cấp	Hưu trí		
17	Hoàng Quốc Toàn	10/10/1971	Tiểu khu 17, xã Mai Sơn	Nam	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Hưu trí		
18	Cầm Văn Thắng	29/09/1962	Tiểu khu 6, xã Mai Sơn	Nam	Thái	Đại học Nông nghiệp	Cao cấp	Hưu trí		
19	Nguyễn Sơn Hải	17/11/1969	Tiểu khu 20, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học kinh tế kế hoạch	Cao cấp	Hưu trí		
20	Hoàng Ngọc Loan	14/12/1966	Tiểu khu 7, xã Mai Sơn	Nam	Thái	Đại học Cảnh sát phòng cháy chữa cháy	Cao cấp	Hưu trí		
21	Bùi Thị Hoa	10/08/1963	Tiểu khu 15, xã Mai Sơn	Nữ	Kinh	Đại học sư phạm	Trung cấp	Hưu trí		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
22	Đỗ Thị Minh Hải	02/07/1979	Tiểu khu 7, xã Mai Sơn	Nữ	Kinh	Thạc sỹ Nông nghiệp	Trung cấp	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Chủ tịch Hội Nông dân xã		
23	Hà Thị Bình	25/01/1973	Tiểu khu 14, xã Mai Sơn	Nữ	Thái	Đại học sư phạm	Cao cấp	Hưu trí		
24	Hoàng Văn Bình	10/10/1961	Tiểu khu 2, xã Yên Châu	Nam	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Hưu trí		
25	Mùa Xuân Xênh	25/6/1997	Bản Sơn Tra, xã Tà Hộc	Nam	Mông	Đại học Luật	Trung cấp	Bí thư Đoàn xã Tà Hộc		
26	Nguyễn Sỹ Dũng	08/08/1984	Tiểu khu 5, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học Ngân hàng	Sơ cấp	Ngân hàng Nông nghiệp Mai Sơn		
27	Lò Văn May	11/10/1980	Bản Cò Nòi, xã Mai Sơn	Nam	Thái	Đại học Kế toán	Trung cấp	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Mai Sơn		
28	Đình Thị Hoàng	03/08/1985	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học Điều dưỡng	Trung cấp	Bệnh viện Lao phổi Sơn La		
29	Lê Quốc Anh	20/10/1964	Tiểu khu 9, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học Luật	Cao cấp	Hưu trí		
30	Đào Dũng Tiến	29/03/1963	Tiểu khu 16, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Trung cấp cơ khí	Sơ cấp	Hưu trí		
31	Trịnh Ngọc Liên	12/08/1967	Tiểu khu 13, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học QL Đất đai	Trung cấp	Hưu trí		
32	Nguyễn Thị Định	07/06/1981	Tiểu khu 19, xã Mai Sơn	Nữ	Kinh	Thạc sỹ Luật	Trung cấp	Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã Chiềng Sung		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
33	Cầm Thị Hằng Nga	25/11/1983	Bản Bon, xã Chiềng Mung	Nữ	Thái	Đại học Công tác xã hội	Trung cấp	HĐND xã Mai Sơn		
34	Phạm Ba Duy	22/12/1984	Tiểu khu 3, xã Mai Sơn	Nam	Kinh	Đại học Quản lý nhà nước	trung cấp	Chuyên viên Ủy ban MTTQ Việt Nam xã		
35	Sòng Thị Ca	04/04/1996	Tiểu khu 6, xã Yên Châu	Nữ	Mông	Đại học Luật	Sơ cấp	Ban xây dựng đảng xã Yên Châu		
36	Quảng Thị Hoa	24/08/1984	Bản Thín, xã Yên Châu	Nữ	Thái	Thạc sỹ	Cao cấp	Ủy ban MTTQVN xã Chiềng Hặc		
37	Hoàng Thị Lưu	25/5/1977	Tiểu khu 3, xã Yên Châu	Nữ	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Văn phòng Đảng ủy xã Chiềng Hặc		
38	Hoàng Thị Thương	10/05/1984	Bản Sốp Sạn, xã Yên Châu	Nữ	Thái	Đại học Nông lâm	Trung cấp	Ủy ban kiểm tra xã Yên Châu		
39	Cầm Bun Ly	18/7/1973	Tiểu khu 8, xã Mai Sơn	Nam	Thái	Đại học Quản lý kinh tế	Cao cấp	HĐND xã Tà Hộc		

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 05 NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Nguyễn Hoàng Anh	13/12/1994	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học chuyên ngành công tác xã hội	Trung cấp	UBND xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	X	
2	Vì Thị Kim Cúc	02/9/1986	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Kế toán	Cao cấp	UBND xã Gia Phù, tỉnh Sơn La	X	
3	Vì Văn Đạo	02/8/1969	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Kinh tế	Trung cấp	Hưu trí	X	
4	Mùa A Dê	14/12/1982	Xã Gia Phù, tỉnh Sơn La	Nam	Mông	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Cao cấp	UBND xã Gia Phù, tỉnh Sơn La	X	
5	Phạm Xuân Điệp	12/10/1977	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	kinh	Đại học Sư phạm, Cử nhân kinh tế	Cao cấp	Đảng ủy xã Kim Bon, tỉnh Sơn La	X	
6	Lý Thị Dung	10/6/1959	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	thái	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Hội người cao tuổi xã Phù Yên	X	
7	Ngô Đức Dương	13/5/1983	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	kinh	Thạc sỹ khoa học môi trường	Cao cấp	UBND xã Kim Bon, tỉnh Sơn La	X	
8	Nguyễn Đức Hải	02/6/1980	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học chuyên ngành: sư phạm; kinh tế; Thạc sỹ Luật Kinh tế	Cao cấp	Trường THPT Tân Lang, xã Mường Cơi	X	
9	Hoàng Hồng Hải	07/4/1973	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học sư phạm Toán Đại học quản lý kinh tế	Cao cấp	Đảng ủy xã Suối Tò, tỉnh Sơn La	X	
10	Bản Thị Huệ	13/5/1975	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Dao	Đại học Kế toán	Cao cấp	Hưu trí	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
11	Bùi Duy Hưng	11/9/1967	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học nông nghiệp	Trung cấp	Hưu trí	X	
12	Nguyễn Thị Linh	08/10/1982	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	kinh	Thạc sỹ kinh tế	Cao cấp	MTQVN xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La	X	
13	Mùa Thị Máy	23/5/1961	Xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Mông	Trung cấp phụ vận	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
14	Hoàng Thị Ngân	28/12/1976	Xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Tày	Đại học sư phạm	Trung cấp	Giáo viên Trường THPT Bắc Yên	X	
15	Đinh Văn Sinh	02/07/1963	Xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Mường	Đại học Y	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
16	Vũ Công Thành	10/01/1970	Xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học sư phạm	Cao cấp	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	X	
17	Đinh Văn Thân	01/02/1980	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Mường	Bác sỹ Chuyên khoa 1	Trung cấp	Bệnh viện ĐKKV Phù Yên	X	
18	Đinh Thị Minh Thủy	20/6/1960	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Mường	Đại học thủy lợi	Cử nhân	Hưu trí	X	
19	Nguyễn Thị Thủy	14/11/1966	Xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
20	Trần Minh Tiến	25/5/1961	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	thái	Đại học luật	Cao cấp	Hưu trí	X	
21	Sa Đức Toàn	25/01/1985	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học sư phạm hóa, Thạc sỹ quản lý kinh tế	Cao cấp	UBND xã Suối Tò, tỉnh Sơn La	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
22	Nguyễn Thị Tuyết	25/11/1965	Xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
23	Hà Thị Yên	01/6/1987	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Mường	Đại học Luật	Cao cấp	UBND xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La	X	
24	Nguyễn Thị Mai Phương	15/10/1982	Bản Tân Hợp, xã Mường Cơi	Nữ	Kinh	Đại học công tác xã hội	Trung cấp	UBMTTQ xã Mường Cơi		
25	Đinh Đức Quang	09/4/1985	Tiểu khu 7, xã Phù Yên	Nam	Mường	Đại học Luật	Cao cấp	Đảng ủy xã Trường Hạ		
26	Nguyễn Quang Vinh	21/9/1965	Tiểu khu 6, xã Phù Yên	Nam	Kinh	Đại học Kinh tế	Cao cấp	Hưu trí		
27	Cầm Văn Tân	27/7/1965	Tiểu khu Mo 2, xã Phù Yên	Nam	Thái	Đại học Lâm nghiệp - Thạc sỹ quản lý kinh tế	Cao cấp	Hưu trí		
28	Cầm Việt Thanh	24/5/1978	Tiểu khu 8, xã Phù Yên	Nam	Thái	Đại học luật, Thạc sỹ quản lý kinh tế	Cao cấp	Đảng ủy xã Gia Phù		
29	Lường Ngọc Thông	21/10/1962	Tiểu khu 1, xã Phù Yên	Nam	Thái	Đại học Luật	Cao cấp	Hưu trí		
30	Cầm Văn Trình	16/11/1992	Tiểu khu 7, xã Phù Yên	Nam	Thái	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Trung cấp	Phòng Kinh tế, xã Mường Cơi		
31	Hoàng Thị Thuý Nga	20/08/1981	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Kế toán	Cao cấp	Ủy ban MTTQ xã Phù Yên		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
32	Cầm Thị Hoa	19/05/1989	Xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học quản lý nhân lực	Trung cấp	Ban Xây dựng Đảng xã Phù Yên		
33	Ngân Thu Huyền	29/08/1996	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Luật	Trung cấp	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Tân Phong		
34	Hà Đức Thành	02/07/1994	Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Luật kinh tế	Trung cấp	Ban Xây dựng Đảng xã Tân Phong		
35	Hà Văn Vinh	10/06/1983	Xã Mường Bang, tỉnh Sơn La	Nam	Mường	Đại học Luật	Trung cấp	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Mường Bang, tỉnh Sơn La		

DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 06 NHIỆM KỲ 2026 - 2031
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi Chú
						Chuyên môn	Lý luận			
1	Phạm Thị Nhung	13/12/1968	Tổ dân phố 5, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học sư phạm ngữ văn	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
2	Đỗ Thị Chúc	17/01/1968	Tổ dân phố 6, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học kinh tế	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
3	Vì Thị Long Biên	14/11/1974	Tổ dân phố 6, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học lưu trữ học và quản trị văn phòng	Cao cấp	Ủy Ban MTTQ phường Thào Nguyên	X	
4	Tráng Thị Giảng	06/3/1988	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Mông	Thạc sỹ văn hóa học	Cao cấp	Phòng VHXXH phường Mộc Châu	X	
5	Hoàng Thị Mai Hương	31/7/1980	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Luật	Trung cấp	Văn phòng HĐND-UBND, phường Mộc Sơn	X	
6	Tăng Văn Xiển	23/9/1967	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Dao	Đại học xây dựng	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
7	Lường Tiến Quỳnh	19/9/1974	Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Thạc sỹ luật kinh tế	Cao cấp	HĐND phường Mộc Châu	X	
8	Lò Anh Đông	06/7/1976	Tổ dân phố Bó Bùn, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Thạc sỹ lịch sử Đảng	Cao cấp	Đảng Ủy xã Tân Yên	X	
9	Trần Chính Chiến	20/12/1965	Tổ dân phố 19/5, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Kinh tế nông nghiệp	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
10	Trần Xuân Thành	20/02/1975	Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Kinh tế nông nghiệp	Cao cấp	UBND xã Lóng Sập	X	
11	Trần Thị Thơm	28/9/1986	Tổ dân phố 2, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Thạc sỹ Quản lý công	Cao cấp	Đảng ủy Phường Thảo Nguyên	X	
12	Nguyễn Thị Bích Hòa	14/10/1960	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Sư phạm giáo dục chính trị	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
13	Lò Thị Minh	18/11/1959	Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Trung cấp Thanh vận	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
14	Lò Việt Huân	16/6/1957	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Thái	Đại học Chính trị	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
15	Tường Duy Bình	20/10/1959	Tổ dân phố 6, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Sư phạm	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
16	Trần Thị Loan	15/4/1965	Tổ dân phố 4, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Tài chính kế toán	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
17	Hoàng Thị Hội	22/02/1965	Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Y đa khoa	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
18	Thái Bá Sinh	07/10/1974	Tổ dân phố 6, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Cao cấp	UBMTTQ xã Vân Hồ	X	
19	Trần Thị Thu Thủy	19/10/1967	Tổ dân phố Bình Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Giáo dục mầm non	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
20	Trịnh Thị Kim Oanh	02/4/1967	Tổ dân phố Bó Bun, phường Văn Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Cán bộ hưu trí	X	
21	Trịnh Lương Hữu	10/4/1961	Tổ dân phố 4, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Chính trị	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
22	Nguyễn Thành Vương	10/02/1958	Tổ dân phố 19/8, phường Thào Nguyên, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
23	Nguyễn Phương Thảo	29/3/1979	Bản Co Xúc, xã Song Khũa, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Luật	Cao cấp	Đảng ủy xã Song Khũa	X	
24	Nguyễn Thị Yên	26/8/1956	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Cao cấp	Cán bộ hưu trí	X	
25	Vì Thị Xuyên	27/4/1960	Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Luật	Trung cấp	Cán bộ hưu trí		
26	Đinh Thị Hương	05/02/1979	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Mường	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Cao cấp	Văn phòng Đảng ủy xã Lóng Sập		
27	Hoàng Thị Dung	07/10/1994	Tổ dân phố 2, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	Đại học Quản lý đất đai	Trung cấp	UBMTTQ Việt Nam phường Mộc Châu		
28	Phạm Quang Tùng	13/7/1977	Tổ dân phố 5, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Thạc sỹ Kinh doanh quản lý	Cao cấp	Ngân hàng Agribank Chi nhánh Sơn La 2		
29	Nguyễn Duy Cường	10/7/1978	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nam	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	Trưởng Trung học cơ sở Mộc Lý		
30	Nguyễn Đức Nguyên	20/3/1972	Tổ dân phố Tự nhiên, phường Mộc Sơn	Nam	Kinh	Thạc sỹ Quản lý văn hóa	Cao cấp	Đảng ủy phường Mộc Châu		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Giới tính	Dân tộc	Trình độ		Đơn vị công tác	Tái cử (X)	Ghi chú
						Chuyên môn	Lý luận			
31	Vũ Thị Hoa	20/02/1974	Tổ dân phố 2, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Nữ	Kinh	Đại học Luật	Cao cấp	Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy phường Mộc Châu		
32	Nguyễn Thị Hòa	28/01/1973	Tổ dân phố 7, phường Mộc Sơn	Nữ	Kinh	Đại học Nông nghiệp	Cao cấp	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường Mộc Châu		
33	Đinh Thị Hương Giang	23/10/1984	Tổ dân phố 7, phường Mộc Sơn	Nữ	Mường	Đại học Giáo dục mầm non	Cao cấp	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Mộc Sơn		
34	Ngô Tất Thắng	08/06/1985	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn	Nam	Kinh	Đại học Quản lý kinh tế	Cao cấp	Đảng ủy phường Mộc Sơn		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh Khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Xét đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh Khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031
tại Tờ trình số 02/TTr-TTHĐND ngày 29 tháng 3 năm 2026 và kết quả biểu quyết
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh
khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện
Nghị quyết.

2. Đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu mời dự kỳ họp, Văn phòng Đoàn ĐBQH và
HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ,
quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ
họp thứ nhất thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày được
thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NỘI QUY

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của HĐND tỉnh)

Điều 1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp HĐND tỉnh là hoạt động để HĐND tỉnh quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. HĐND tỉnh họp thường lệ ít nhất mỗi năm hai kỳ, kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ do HĐND tỉnh quyết định tại kỳ họp cuối năm trước đó.

3. HĐND họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND yêu cầu.

4. Hình thức làm việc tại kỳ họp HĐND tỉnh gồm phiên họp toàn thể và phiên thảo luận tổ *(nếu xét thấy cần thiết)*. Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công khai, trừ trường hợp HĐND tỉnh quyết định họp kín.

5. Căn cứ tình hình thực tiễn về giải quyết một số nội dung phát sinh đột xuất, cấp bách hoặc do yêu cầu phòng chống dịch bệnh, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến.

Điều 2. Phiên họp trừ bị của HĐND tỉnh

Trước khi khai mạc kỳ họp, HĐND tỉnh có thể họp phiên trừ bị để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 3. Khai mạc, bế mạc kỳ họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp; trường hợp cần thiết có thể uỷ quyền cho một Phó Chủ tịch HĐND tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp.

2. HĐND tỉnh tiến hành lễ chào cờ trước khi khai mạc và sau khi bế mạc kỳ họp.

Điều 4. Chương trình kỳ họp

1. Căn cứ quy định của pháp luật, Nghị quyết của HĐND tỉnh, và đề nghị của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp HĐND.

2. Dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh được gửi xin ý kiến đại biểu HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai

mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ; chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

3. Chương trình kỳ họp được xem xét, biểu quyết thông qua theo trình tự sau đây:

a) Thường trực HĐND tỉnh báo cáo về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh.

b) Đại biểu HĐND tiếp tục thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp;

c) HĐND tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Trường hợp Chương trình kỳ họp đã được gửi xin ý kiến, tiếp đại biểu thu đại biểu thì không phải biểu quyết thông qua tại kỳ họp, trừ trường hợp có điều chỉnh, bổ sung.

4. Trường hợp cần thiết Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung chương trình kỳ họp HĐND tỉnh cho phù hợp.

5. Chương trình kỳ họp và việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp phải được quá nửa tổng số đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết thông qua.

Điều 5. Chủ tọa kỳ họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh chủ tọa kỳ họp; trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND thì Thường trực HĐND phân công một Phó Chủ tịch HĐND chủ tọa kỳ họp.

2. Điều hành phiên họp theo chương trình đã được HĐND tỉnh thông qua; đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình khi cần thiết.

3. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp toàn thể và phiên họp thảo luận tổ (*nếu có*); chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp.

4. Bảo đảm thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp ý kiến tại kỳ họp.

5. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo Nghị quyết.

6. Điều hành hoặc phân công Phó Chủ tịch HĐND điều hành biểu quyết thông qua Nghị quyết, Chương trình kỳ họp và các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Điều 6. Thư ký kỳ họp

Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện công tác thư ký kỳ họp với các nội dung sau:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND có mặt, vắng mặt trong các kỳ họp của HĐND tỉnh; để báo cáo Chủ tọa kỳ họp, báo cáo kỳ họp.

2. Ghi biên bản về diễn biến kỳ họp;

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp;

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp, đăng tải Nghị quyết của HĐND trên trang thông tin điện tử của địa phương;

5. Trình Chủ tọa kỳ họp, Chủ tịch HĐND tỉnh ký chứng thực các dự thảo Nghị quyết của kỳ họp.

6. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 7. Trách nhiệm của đại biểu HĐND tỉnh

1. Chấp hành Nội quy kỳ họp, tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của HĐND tỉnh; tập trung nghiên cứu, tham gia ý kiến vào phiếu xin ý kiến về các văn bản trình tại kỳ họp, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Trường hợp không thể tham dự kỳ họp, đại biểu HĐND tỉnh phải có văn bản báo cáo và nêu rõ lý do gửi Tổ trưởng Tổ đại biểu, đồng thời gửi Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định (*qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 01 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp*); nếu không tham dự được một phần hoặc toàn bộ thời gian phiên họp của kỳ họp, đại biểu phải báo cáo trực tiếp để Chủ tọa xem xét, quyết định.

2. Thực hiện trả lời phỏng vấn về các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

4. Tập trung trí tuệ nghiên cứu tài liệu, tích cực tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến tại các kỳ họp, thực hiện biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của HĐND tỉnh tại kỳ họp.

5. Đeo phù hiệu, mặc trang phục lịch sự, trang trọng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách là đại biểu HĐND.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp

1. Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp, phiên họp, Nội quy kỳ họp và các quy định khác về kỳ họp HĐND tỉnh; tham gia thảo luận tại kỳ họp, tổ chức và điều hành các hoạt động của Tổ tại kỳ họp; theo dõi và báo cáo danh sách các đại biểu trong Tổ có mặt, vắng mặt ở từng phiên họp cho thư ký kỳ họp; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

2. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng và khi Tổ trưởng vắng mặt.

Điều 9. Khách mời tham dự kỳ họp

Người được mời tham dự kỳ họp được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của HĐND tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp.

Điều 10. Trình bày dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án tại kỳ họp

Người trình bày các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp phải trình bày theo văn bản đã được chuẩn bị; thời gian không quá 10 phút/văn bản, trừ trường hợp khác theo quyết định của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 11. Thảo luận tại kỳ họp

1. Chủ tọa nêu nội dung đề nghị đại biểu HĐND tỉnh tập trung thảo luận.
2. Đại biểu HĐND tỉnh đăng ký phát biểu.
3. Chủ tọa mời từng đại biểu HĐND tỉnh phát biểu.

4. Đại biểu HĐND tỉnh phát biểu tập trung vào nội dung của phiên thảo luận; thời gian phát biểu do chủ tọa kỳ họp quy định cụ thể nhưng tối đa không quá 07 phút. Chủ tọa kỳ họp có quyền nhắc đại biểu nếu phát biểu không đúng trọng tâm nội dung thảo luận hoặc quá thời gian quy định. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì gửi ý kiến bằng văn bản đến thư ký kỳ họp để tập hợp, báo cáo Chủ tọa kỳ họp.

5. Chủ tọa kỳ họp phát biểu kết thúc phiên họp.

Điều 12. Chất vấn tại kỳ họp

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu HĐND tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn (nếu có) và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Trong thời gian HĐND tỉnh họp, đại biểu HĐND cần chất vấn bổ sung thì đăng ký vấn đề chất vấn (*bằng phiếu chất vấn*) gửi Chủ tọa Kỳ họp (*qua thư ký kỳ họp*).

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề cử tri quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn, hình thức trả lời chất vấn và người bị chất vấn.

3. Trình tự chất vấn tại kỳ họp:

a) Đại biểu HĐND tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể; thời gian không quá 05 phút.

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (*nếu có*); thời gian trả lời mỗi vấn đề không quá 07 phút.

c) Đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan được mời tham dự phiên họp có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

4. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa có quyền kéo dài thời gian chất vấn và trả lời chất vấn; yêu cầu đại biểu HĐND tỉnh nêu câu hỏi chất vấn đúng với vấn đề chất vấn hoặc thời gian quy định, người bị chất vấn trả lời đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh và thời gian quy định.

5. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời theo điều hành của Chủ tọa kỳ họp hoặc yêu cầu người bị chất vấn tiếp tục trả lời chất vấn nội dung không đồng ý tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất (*Người chất vấn và người bị chất vấn được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh*).

6. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết, thì Chủ tọa kỳ họp đề nghị HĐND tỉnh yêu cầu người bị chất vấn trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất (*Người chất vấn và người bị chất vấn được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh*).

7. Người bị chất vấn được HĐND tỉnh biểu quyết cho trả lời chất vấn bằng văn bản theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;
- b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Khi được HĐND tỉnh biểu quyết nhất trí cho trả lời chất vấn bằng văn bản, người bị chất vấn phải có văn bản trả lời trực tiếp gửi đến đại biểu HĐND đã chất vấn, Thường trực HĐND tỉnh trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị HĐND tỉnh thảo luận tại kỳ họp hoặc kiến nghị HĐND tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn; hoặc yêu cầu người bị chất vấn tiếp tục trả lời chất vấn nội dung không đồng ý tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất (*Người chất vấn được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh*).

Điều 13. Biểu quyết tại phiên họp

1. HĐND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết công khai bằng hình thức giơ tay đối với các vấn đề sau đây:
 - Thông qua chương trình kỳ họp và điều chỉnh chương trình kỳ họp;
 - Bầu Ban kiểm phiếu;
 - Thông qua Nghị quyết của HĐND tỉnh;

- Quyết định các nội dung khác (nếu có), trừ các nội dung nêu tại điểm b Khoản 1 Điều này.

- Biểu quyết một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh nhưng không cần thiết phải bỏ phiếu kín.

b) Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín đối với các vấn đề sau đây:

- Bầu chức danh thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh;

- Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu.

- Quyết định các vấn đề khác mà HĐND tỉnh xét thấy cần thiết phải dùng hình thức bỏ phiếu kín.

c) Hình thức biểu quyết do HĐND tỉnh quyết định.

2. Trình tự biểu quyết tại phiên họp toàn thể tiến hành như sau:

a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung vấn đề HĐND tỉnh cần biểu quyết;

b) Đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết;

c) Chủ tọa phiên họp báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng giờ tay. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, kết quả kiểm đếm trong trường hợp biểu quyết bằng hình thức giờ tay.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc từ bỏ quyền biểu quyết.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được HĐND tỉnh biểu quyết thông qua nhưng chưa có hiệu lực thi hành thì Thường trực HĐND tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của ít nhất **50%** tổng số đại biểu HĐND tỉnh hoặc đề nghị của cơ quan trình dự án, đề án, dự thảo nghị quyết, báo cáo, cơ quan thẩm tra đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc biểu quyết lại theo trình tự như sau:

a) Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh việc biểu quyết lại;

b) HĐND tỉnh xem xét, thông qua việc biểu quyết lại bằng hình thức giờ tay. Việc biểu quyết lại được thực hiện theo quy chế làm việc của HĐND tỉnh.

Điều 14. Lấy ý kiến đại biểu HĐND tỉnh bằng hình thức phiếu xin ý kiến

1. Khi cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức lấy ý kiến các đại biểu HĐND tỉnh về các nội dung của kỳ họp bằng hình thức phiếu xin ý kiến.

2. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thể hiện ý kiến vào phiếu xin ý kiến và gửi lại thư ký kỳ họp đúng thời hạn.

3. Thư ký kỳ họp gửi, thu phiếu xin ý kiến; tập hợp, tổng hợp kết quả phiếu xin ý kiến và báo cáo Chủ tọa kỳ họp để báo cáo HĐND tỉnh.

Điều 15. Trang phục của đại biểu dự kỳ họp

Tại phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp thứ nhất, các kỳ họp thường lệ, đại biểu mặc lễ phục.

a) Đối với nam: Bộ comple; quần âu, áo sơ mi trắng dài tay, cravat hoặc trang phục dân tộc.

b) Đối với nữ: Áo dài truyền thống hoặc trang phục dân tộc.

c) Đại biểu thuộc lực lượng vũ trang: Mặc lễ phục theo quy định đối với lực lượng vũ trang.

2. Tại các kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, các phiên họp khác.

a) Đối với nam, nữ: Trang phục công sở

b) Đại biểu thuộc lực lượng vũ trang: Mặc quân phục theo quy định đối với lực lượng vũ trang.

3. Khuyến khích các đại biểu mặc lễ phục, trang phục dân tộc trong thời gian diễn ra kỳ họp.

Điều 16. Về đeo phù hiệu và thời gian làm việc của kỳ họp

1. Đại biểu HĐND tỉnh phải đeo phù hiệu đại biểu, các đại biểu mời dự kỳ họp phải đeo phù hiệu đại biểu mời của kỳ họp. Nhân viên phục vụ kỳ họp phải đeo phù hiệu của kỳ họp và có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ theo sự phân công của lãnh đạo Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

2. Đại biểu dự kỳ họp, cơ quan, tổ chức, cá nhân phục vụ kỳ họp phải dự họp đúng giờ, ngồi đúng vị trí quy định; không hút thuốc lá, đi lại tự do, giải quyết việc khác ngoài nội dung của kỳ họp trong phòng họp; không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử không phục vụ cho nội dung của kỳ họp; không uống rượu, bia trước và khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu dự kỳ họp.

3. Thời gian làm việc của kỳ họp

a) Buổi sáng: Từ 8h00' - 11h30'.

b) Buổi chiều: Từ 14h00' - 17h30'.

c) Buổi tối (nếu có): Từ 19h30' - 22h30'.

d) Tùy theo tính chất của phiên họp, kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh có thể quyết định thời gian họp sớm hơn hoặc muộn hơn theo quy định tại các khoản a, b, c Điều này.

Điều 17. Chế độ của đại biểu dự kỳ họp

Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp thực hiện và thanh toán các chế độ của đại biểu theo quy định hiện hành, cụ thể:

1, Bố trí đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu mời dự Kỳ họp ở các xã, phường không cư trú trên địa bàn các phường thuộc khu vực thành phố cũ ăn, nghỉ tập trung (nếu có yêu cầu).

2. Thanh toán chế độ của đại biểu theo quy định.

3. Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND các xã, phường bố trí xe đưa đón đại biểu HĐND tỉnh ở các xã, phường đến địa điểm ăn, nghỉ tập trung và đến hội trường họp (*theo chương trình kỳ họp*).

4. Bố trí phòng trực Y tế tại hội trường nơi tổ chức kỳ họp và nơi nghỉ tập trung để phục vụ đại biểu khám và điều trị bệnh trong thời gian diễn ra kỳ họp;

Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung cần thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND xem xét, quyết định./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2026
của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15;

*Xét đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh Khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031
tại Tờ trình số 03/TTr-TTHĐND ngày 29 tháng 3 năm 2026 và kết quả biểu quyết
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031:

1. Kỳ họp thứ 2 của HĐND tỉnh (*dự kiến tổ chức trong tháng 7 tháng 2026*): HĐND tỉnh xem xét, thông qua 30 Báo cáo và 22 dự thảo Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Kỳ họp thứ 3 của HĐND tỉnh (*dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12 tháng 2026*): HĐND tỉnh xem xét, thông qua 31 Báo cáo, 19 dự thảo Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện; trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung thời gian, nội dung hoặc tên của các Nghị quyết thì Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch, báo cáo HĐND tỉnh tại Kỳ họp gần nhất.

2. UBND tỉnh phân công và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chủ động chuẩn bị các văn bản trình Kỳ họp bảo đảm đúng pháp luật, tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; gửi các dự thảo Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc phản biện xã hội theo quy định.

3. Các Ban của HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các văn bản theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các Ban của HĐND tỉnh hoàn chỉnh Nghị quyết và trình Chủ tịch HĐND tỉnh ký chứng thực.

5. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

NỘI DUNG TRÌNH CÁC KỲ HỌP NĂM 2026 CỦA HĐND TỈNH KHÓA XV
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
A	KỲ HỌP THỨ 2 (GIỮA NĂM 2026)		
I	Các báo cáo (30 báo cáo)		
1	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2026 của Thường trực HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
2	Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ mười hai, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
3	Báo cáo tổng hợp kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ hai của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
4	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2025 của HĐND tỉnh khóa XV	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Thường trực HĐND tỉnh
5	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Kinh tế - Ngân sách
6	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2026 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Pháp chế

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
7	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Văn hóa - Xã hội
8	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2026 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Dân tộc
9	Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Kinh tế - Ngân sách
10	Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Pháp chế
11	Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Văn hóa - Xã hội
12	Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Dân tộc
13	Báo cáo Tổng hợp kết quả tham gia ý kiến của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh vào các nội dung trình kỳ họp	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
14	Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả công tác 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ chủ yếu tập trung chỉ đạo, điều hành công tác 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
15	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ trọng tâm và một số giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
16	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình phân bổ và thực hiện các nguồn vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước;	UBND tỉnh
17	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình tài chính ngân sách 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp công tác tài chính, ngân sách 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND, Luật Ngân sách Nhà nước;	UBND tỉnh
18	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
19	Báo cáo của UBND tỉnh về quyết toán ngân sách địa phương năm 2025	Khoản 3, Điều 71, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
20	Báo cáo của UBND tỉnh về tổng quan về hiện trạng môi trường tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.	Điểm a, khoản 4, điều 120 Luật Bảo vệ môi trường 2020	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
21	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
22	Báo cáo của UBND tỉnh về giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết kiến nghị của cử tri 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
23	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
24	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Pháp chế		UBND tỉnh
25	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Kinh tế ngân sách		UBND tỉnh
26	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Văn hóa xã hội		UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
27	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực công tác dân tộc		UBND tỉnh
28	Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Tòa Án nhân dân tỉnh
29	Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
30	Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Thị hành án dân sự tỉnh
II	Các dự thảo Nghị quyết (22 dự thảo Nghị quyết)		
1	Dự thảo Nghị quyết về giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ 12 của HĐND tỉnh khóa XV; kiến nghị của cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh Khoá XVI	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
2	Dự thảo Nghị quyết về việc Thông qua kết quả giải quyết những nội dung do UBND tỉnh trình giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
3	Dự thảo Nghị quyết về chính sách khuyến khích bác sĩ, được sẽ về công tác tại tỉnh, giai đoạn 2026-2030	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	UBND tỉnh
4	Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đào tạo đối với viên chức ngành y tế trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	UBND tỉnh
5	Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ mức hỗ trợ kinh phí hoạt động văn nghệ quần chúng của bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
		chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
6	Dự thảo Nghị quyết về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh	Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học, THCS, THPT đã thay đổi cách đánh giá, xếp loại học sinh so với nội dung trong Nghị quyết 124/2019/NQ-HĐND đã ban hành	UBND tỉnh
7	Dự thảo Nghị quyết về quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
		chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quyết định số 120/QĐ-TT-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh về ban hành Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định các nội dung được giao tại các luật của Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 và thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
8	Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quyết định số 120/QĐ-TT-UBND ngày 26/2/2026 của UBND tỉnh về ban hành Danh mục Nghị quyết của UBND tỉnh quy định các nội dung được giao tại các luật	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
		của Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 và thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
9	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Khoản 2 Điều 88 Luật Đầu tư công năm 2024	UBND tỉnh
10	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025	Khoản 3, Điều 71, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
11	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh	Khoản 3, điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC thay thế Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 06/2023/TT-BTC	UBND tỉnh
12	Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để làm đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Căn cứ thực tiễn triển khai và những hạn chế, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh, đồng thời nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 và duy trì tính liên tục của chính sách hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
13	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định hình thức, mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện	Quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ	UBND tỉnh
14	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư chưa đảm bảo điều kiện hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh	Khoản 6 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15, quy định: “6. UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
		chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.”	
15	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điểm a, Khoản 1, Điều 57 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 Luật ban hành VBQPPL: Văn bản QPPL hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật	UBND tỉnh
16	Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2024 và Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	Khoản 3, điều 6, Nghị định 35/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Thú y	UBND tỉnh
17	Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ các nhà máy chế biến rau, củ, quả trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025	Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và tình hình thực tế tại địa phương	UBND tỉnh
18	Dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	Khoản 1 Điều 12 Luật Chăn nuôi	UBND tỉnh
19	Dự thảo Nghị quyết về quy định chế độ mua sắm, thủ tục cấp phát phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và trang phục đối với công chức làm việc tại Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14; Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27/5/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường; Nghị định số 241/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
20	Dự thảo Nghị quyết của HĐND Quy định chính sách hỗ trợ tiền điện chiếu sáng tại khu vực đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	UBND tỉnh
21	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc; người giúp việc cho giám định viên tư pháp trên địa bàn tỉnh	Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 30/11/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám định tư pháp và định giá tài sản, về nhiệm vụ giải pháp tăng cường năng lực cho đội ngũ người làm công tác giám định, định giá tài sản; Khoản 4, Điều 41 Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15; Điểm e khoản 2 mục III Đề án kèm theo Quyết định 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp	UBND tỉnh
22	Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 (Giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030)	Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; Quyết định số 3399/QĐ-BVHTT&DL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về Phát triển Văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
B	KỲ HỌP THỨ 3 (CUỐI NĂM 2026)		
I	Các Báo cáo (31 báo cáo)		
1	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2026; nhiệm vụ năm 2027 của Thường trực HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
2	Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đối với nội dung sắp xếp tái sản nhà, đất sau sắp xếp tỉnh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
3	Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ hai của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026-2031	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
4	Báo cáo tổng hợp kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ hai và trước kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
5	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2026; nhiệm vụ năm 2027 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Kinh tế - Ngân sách
6	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2026; nhiệm vụ năm 2027 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Pháp chế
7	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2026; nhiệm vụ năm 2027 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Văn hóa - Xã hội
8	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2026; nhiệm vụ năm 2027 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Dân tộc

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
9	Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Kinh tế - Ngân sách
10	Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Pháp chế
11	Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Văn hóa - Xã hội
12	Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Ban Dân tộc
13	Báo cáo Tổng hợp kết quả tham gia ý kiến của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh vào các nội dung trình kỳ họp	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
14	Báo cáo kết quả công tác năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành năm 2027 của UBND tỉnh	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
15	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2026 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
16	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình phân bổ, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; nhiệm vụ giải pháp thực hiện năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
17	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2026; dự kiến kế hoạch tài chính năm 2027 của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
18	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2026 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
19	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
20	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
21	Báo cáo của UBND tỉnh về giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết kiến nghị của cử tri năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
22	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026; nhiệm vụ công tác năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
23	Báo cáo kết quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân năm 2026	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	UBND tỉnh
24	Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy năm 2026	Thực hiện quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội. Hằng năm, UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp cuối năm và Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.	UBND tỉnh
25	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Pháp chế		UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
26	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Kinh tế ngân sách		UBND tỉnh
27	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Văn hóa xã hội		UBND tỉnh
28	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực công tác dân tộc		UBND tỉnh
29	Báo cáo kết quả công tác năm 2026, nhiệm vụ công tác năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Tòa Án nhân dân tỉnh
30	Báo cáo kết quả công tác năm 2026, nhiệm vụ công tác năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
31	Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2026, nhiệm vụ công tác năm 2027	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Thi hành án dân sự tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
II	Các dự thảo Nghị quyết (19 dự thảo Nghị quyết)		
1	Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2027 của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025	Thường trực HĐND tỉnh
2	Dự thảo Nghị quyết về chương trình giám sát năm 2027 của HĐND tỉnh khóa XVI	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND	Thường trực HĐND tỉnh
3	Dự thảo Nghị quyết về việc giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ hai của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
4	Dự thảo Nghị quyết về giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đối với nội dung sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tỉnh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HDND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
5	Dự thảo Nghị quyết về việc Thông qua kết quả giải quyết những nội dung do UBND tỉnh trình giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Thường trực HĐND tỉnh
6	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã năm 2027	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức	UBND tỉnh
7	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quyết định tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2027	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
8	Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số (Bộ Y tế đang xây dựng Dự thảo, dự kiến trình Chính phủ ban hành quý II/2026); Thông tư của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dân số (Bộ Y tế đang xây dựng Dự thảo, dự kiến ban hành quý III/2026 hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định); Quyết định số 120/QĐ-TTTHĐND ngày 26/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nội dung được giao tại các luật của Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 và thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	UBND tỉnh
9	Dự thảo Nghị quyết quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có chuyên môn, nguồn nhân lực chất lượng cao công tác trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 14/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2025 - 2030	UBND tỉnh
10	Dự thảo Nghị quyết về chính sách khuyến khích, hỗ trợ nhà giáo và người học khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 336/QĐ-TTg ngày 25/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh
11	Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo	Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH 15; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 05/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
	chương trình hợp tác với tỉnh	nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; Thông báo số 02/TB-LPQT ngày 18/01/2023 của Bộ Ngoại giao về việc Điều ước quốc tế có hiệu lực; Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Sơn La với 09 tỉnh phía bắc nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào;	
12	Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2027	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
13	Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	UBND tỉnh
14	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2027	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
15	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách cấp tỉnh và bổ sung cân đối ngân sách xã, phường năm 2027	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
16	Dự thảo Nghị quyết về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027	Điểm g, Khoản 9, Điều 31, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
17	Dự thảo Nghị quyết của HĐND về chính sách hỗ trợ đầu tư các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Khoản 1, khoản 2, Điều 26, Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 117/QĐ-UBND	UBND tỉnh
18	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách ưu tiên đầu tư sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC và CNCN	Khoản 6, điều 50, Luật PCCC và CNCH	UBND tỉnh
19	Dự thảo Nghị quyết HĐND về quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2027 - 2031	Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển Du lịch giai đoạn 2025 - 2030	UBND tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/CT-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 3 năm 2026

CHỈ THỊ
Về nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thực hiện
và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, tạo nền tảng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI đề ra.

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 221/TTr-STC ngày 13 tháng 3 năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các chủ đầu tư

- Tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt ngay từ những tháng đầu, quý đầu của năm 2026.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; chủ động xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Thực hiện nghiêm nguyên tắc phân công rõ trách nhiệm, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; cá thể hóa trách nhiệm đến từng tổ chức, cá nhân; lấy kết quả giải ngân vốn đầu tư công làm một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

- Xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng dự án, từng tháng, từng quý; phân công lãnh đạo trực tiếp phụ trách từng nhóm dự án, cử cán bộ theo dõi sát tiến độ thực hiện. Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án, nhất là các dự án trọng điểm về giải phóng mặt bằng như: Tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua địa bàn tỉnh Sơn La; các tuyến đường nội thị Mộc Châu, Mai Sơn; hoàn thành chương trình đầu tư xây dựng 13 trường nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại các xã biên giới đảm bảo mục tiêu hoàn thành trước ngày 30 tháng 8 năm 2026.

- Tập trung tháo gỡ, giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tồn tại, kéo dài. Chủ động rà soát, phân loại các dự án; đề xuất phương án xử lý cụ thể đối với từng nhóm dự án. Các sở, ban, ngành tăng cường phối hợp, tập trung hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư, bảo đảm việc triển khai dự án đúng quy định pháp luật; các địa phương và chủ đầu tư chủ động rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, nắm chắc khó khăn thực tế để kịp thời báo cáo, kiến nghị giải pháp phù hợp. Tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý dự án, bảo đảm hoàn thành theo đúng tiến độ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Đẩy mạnh công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công; trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có khối lượng hoàn thành, phải hoàn thiện hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán theo quy định; khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán đối với các dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng.

- Trước ngày 22 hằng tháng, các Chủ đầu tư thực hiện báo cáo định kỳ tình hình giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 (bao gồm kế hoạch vốn 2025 được phép kéo dài). Báo cáo định kỳ phải có thuyết minh, chi tiết dự án cụ thể, nguyên nhân các trường hợp dự án giải ngân đạt thấp, các vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ; chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đối với các dự án giải ngân chậm sang các dự án có khối lượng thực hiện và nhu cầu bổ sung vốn; đồng thời phải có số liệu ước giá trị giải ngân cho tháng tiếp theo gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực X để tổng hợp, theo dõi chung và tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong chỉ đạo, điều hành thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026.

- Phân đầu giải ngân đạt 100% tổng vốn đầu tư công năm 2026, cụ thể như sau:

- + Đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 phân đầu giải ngân đạt trên 50%.
- + Đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2026 phân đầu giải ngân đạt trên 60%.
- + Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 phân đầu giải ngân đạt trên 95%; trong đó kế hoạch vốn năm 2025 được phép kéo dài giải ngân đạt 100%.
- + Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 các đơn vị không giải ngân hết nguồn vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2026 và phải nộp trả ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, phải chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.
- + Đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2027 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2026.

2. Sở Tài chính

- Hằng tháng công khai tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của các đơn vị, địa phương và chủ đầu tư có kết quả thấp hơn mức bình quân của toàn tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của Sở Tài chính.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành, kịp thời tháo gỡ khó

khẩn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Tổ công tác theo định kỳ hằng quý (hoặc đột xuất nếu cần thiết) sẽ trực tiếp làm việc với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình của tỉnh để kiểm tra đôn đốc, đánh giá kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, đặc biệt là các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án có ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực tăng trưởng.

- Chủ trì tham mưu với UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026 của các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, các dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao trong năm 2026 sang các dự án có khả năng giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn theo mốc thời gian như sau:

+ Đợt 1: Rà soát, tham mưu thu hồi, điều chuyển vốn của dự án chuyển tiếp đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 có kết quả giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn.

+ Đợt 2: Rà soát tiến độ đối với các dự án được giao kế hoạch năm 2026 thu hồi, điều chuyển vốn của các dự án đến ngày 30 tháng 9 năm 2026 có kết quả giải ngân dưới 60% kế hoạch vốn.

+ Ngoài ra, Sở Tài chính chủ động rà soát tình hình thực hiện, giải ngân và chủ động tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và thực tế triển khai thực hiện.

- Theo dõi sát tiến độ giải ngân của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ hằng tháng: Tổng hợp kết quả giải ngân, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo các giải pháp điều hành linh hoạt, hiệu quả, sát với tình hình thực tiễn nhằm hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2026; Tổng hợp, thông báo danh sách các chủ đầu tư, đơn vị có tiến độ thực hiện và giải ngân chậm tiến độ để yêu cầu báo cáo, xem xét trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục thẩm tra, phê duyệt (hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt) quyết toán các dự án hoàn thành và theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện các thủ tục quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

3. Kho bạc Nhà nước Khu vực X

- Thực hiện cập nhật số liệu giải ngân theo tuần (và theo ngày đối với tháng 12 năm 2026 và tháng 01 năm 2027) trên hệ thống IOC để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

- Định kỳ trước ngày 03 hằng tháng, tổng hợp số liệu giải ngân gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, cơ quan Trung ương theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công đúng quy định; thực hiện thanh toán trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đủ điều kiện giải ngân.

4. Sở Xây dựng

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc khảo sát, thu thập và cập nhật thông tin giá vật liệu xây dựng; kịp thời công bố giá vật liệu xây dựng bảo đảm sát với diễn biến thị trường, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện các dự án.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan rà soát các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để tổ chức đấu giá quyền khai thác theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguồn vật liệu phục vụ thi công các dự án. Đồng thời tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai dự án.

6. UBND các xã, phường

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục đầu tư (thẩm định, phê duyệt) của dự án theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa phương thức lãnh đạo, tăng cường tổ chức thực hiện đối với công tác dân vận để thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ở địa phương, xác định công tác bồi thường giải phóng mặt bằng là nút thắt trong triển khai dự án cần phải tập trung chỉ đạo cụ thể, quyết liệt.

- Chủ động rà soát kịp thời đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn năm 2026 của các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, các dự án không có khả năng giải ngân hết sang các dự án có khả năng giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn phù hợp về nội dung, tính chất các loại nguồn vốn theo các quyết định của UBND tỉnh có liên quan.

- Đối với các dự án do các xã, phường làm chủ đầu tư, trường hợp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 không giải ngân hết nguồn vốn cho phép kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2026 và phải nộp trả ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, UBND các xã, phường có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách cấp xã để thực hiện đối với phần vốn nộp trả.

- Tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm và trung hạn, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo tiến độ giải ngân thực hiện các chương trình, dự án, phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

7. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tài chính rà soát tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của các cơ quan, đơn vị, các xã, phường coi đây là chỉ tiêu quan trọng trong đề xuất đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu. Tham mưu UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác giải ngân và xem xét phê bình kiểm điểm, đề xuất hình thức xử lý đối với các đơn

vị chậm thực hiện giải ngân vốn đầu tư công có nguyên nhân do chủ quan của tổ chức, cá nhân liên quan.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông, báo chí phối hợp tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư công trên địa bàn.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, các Ban quản lý dự án, chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nội dung Chỉ thị này; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả giải ngân các nguồn vốn đầu tư của cơ quan, đơn vị mình quản lý./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CT-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 3 năm 2026

CHỈ THỊ

**Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sắp xếp,
xử lý, khai thác tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị tổ chức nghiên cứu và quán triệt đến đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công, thống nhất cao về nhận thức và nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng, sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công; đồng thời ban hành các quy định về phân cấp thẩm quyền trong công tác quản lý, các quy định về định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, do đó công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn đã từng bước quản lý theo quy định; tài sản sau sắp xếp đã được giao cho các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý; tuy nhiên bên cạnh kết quả đã đạt được, qua theo dõi, giám sát vẫn còn một số tồn tại hạn chế: Tài sản đã giao cho các cơ quan, đơn vị, nhưng việc rà soát, điều chỉnh phương án sử dụng, việc xây dựng phương án đưa tài sản vào khai thác hoặc xử lý tại các cơ quan, đơn vị và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh còn chậm; việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công có lúc có nơi chưa nghiêm.

Thực hiện Công điện số 19/CĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công; theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 280/TTr-STC ngày 24 tháng 3 năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đề nghị Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sau:

1. Hoàn thiện các quy định pháp lý về quản lý tài sản công theo phân cấp thuộc thẩm quyền của địa phương

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tiếp tục rà soát các văn bản đã ban hành và các nội dung được điều chỉnh hoặc bổ sung của Chính phủ, Bộ Tài chính, tham mưu trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản mới về phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp thẩm quyền trong quy định về tiêu chuẩn định mức..., nhất là tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, tài sản của

các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản công chuyên dùng đảm bảo đồng bộ, thống nhất về cơ sở pháp lý trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Đối với các cơ sở nhà, đất thực hiện tạm bàn giao, tiếp nhận trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính: Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tạm bàn giao, tiếp nhận hoàn thiện thủ tục để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tạm bàn giao, tiếp nhận.

- Đối với các cơ sở nhà, đất cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp tục quản lý, sử dụng hoặc được giao, điều chuyển để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng nhà, đất rà soát để bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành. Đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có) thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển tài sản quyết định giao, điều chuyển phần diện tích này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng nếu phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó hoặc quyết định giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng trong trường hợp không có cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp để giao, điều chuyển, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Rà soát, sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công

a) Các cơ sở nhà, đất sau thực hiện sắp xếp bộ máy đã giao cho các cơ quan, đơn vị, các xã, phường quản lý, sử dụng, thực hiện rà soát đảm bảo tài sản được giao quản lý, sử dụng đúng tiêu chuẩn, định mức không để xảy ra tình trạng tài sản sử dụng sai mục đích, không sử dụng gây thất thoát, lãng phí.

- Đối với tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng: Thực hiện điều chỉnh thống nhất chủ sở hữu, tổ chức hạch toán, báo cáo và xây dựng quy chế quản lý theo quy định. Đối với diện tích trụ sở lớn so với tiêu chuẩn định mức mà không thể chuyển giao cho các cơ quan, đơn vị khác thực hiện theo mục c, điểm 1 Công điện số 19/CD-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với các cơ sở nhà, đất không có nhu cầu sử dụng: Khẩn trương hoàn thành việc điều chuyển cho các lĩnh vực Y tế, giáo dục, phúc lợi công cộng, chuyển giao về địa phương quản lý hoặc xử lý theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, không để hư hỏng, xuống cấp, lãng phí.

b) Các cơ sở nhà, đất tiếp nhận từ các cơ quan trung ương chuyển giao cho địa phương, khẩn trương thực hiện bàn giao, tiếp nhận và xây dựng phương án quản lý, sử dụng hoặc khai thác, xử lý theo quy định.

c) Các cơ sở nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý, khai thác thì khẩn trương hoàn thành việc xử lý tài sản hoặc đưa tài sản vào khai thác theo phương án đã được phê duyệt.

d) Tập trung sắp xếp, bố trí, xử lý các cơ sở nhà, đất, tài sản công khi sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng các quy định của pháp luật, các công điện, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xử lý trụ sở, tài sản công khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

đ) Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trong việc triển khai sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng hướng dẫn UBND các xã, phường thực hiện cập nhật, điều chỉnh ngay quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan sau khi thực hiện điều chuyển, chuyển đổi công năng các cơ sở nhà, đất sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, các mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh.

3. Trang bị xe ô tô, máy móc, thiết bị phục vụ công tác

a) Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng xe ô tô, máy móc, thiết bị đã được nhà nước giao phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

- Đối với tài sản vượt tiêu chuẩn định mức thực hiện xử lý theo quy định hiện hành của nhà nước và phân cấp thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, theo hướng: Điều chuyển cho cơ quan, đơn vị còn thiếu theo tiêu chuẩn định mức; thanh lý nộp ngân sách nhà nước (*đối với tài sản hư hỏng, tài sản dôi dư không có đơn vị tiếp nhận*).

- Tài sản thiếu theo tiêu chuẩn định mức

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng để thực hiện mua sắm bảo đảm cơ sở vật chất cho mô hình tổ chức bộ máy mới, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới. Trường hợp nguồn kinh phí không đảm bảo nhu cầu mua sắm tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Sở Tài chính tham mưu trình cấp có thẩm quyền đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ để tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương thực hiện việc quản lý, khai thác quỹ nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị, các xã, phường rà soát, tổng hợp, trình UBND tỉnh giao quỹ nhà, đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện quản lý, khai thác theo quy định.

- UBND các xã, phường khẩn trương rà soát giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất cho đơn vị sự nghiệp công lập của xã theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ đề tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương thực hiện việc quản lý, khai thác quỹ nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung Kế hoạch thanh tra nội dung về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong bố trí, sắp xếp, xử lý, khai thác trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 55/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về tài sản công và nội dung Chỉ thị này. Quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc phản ánh về Sở Tài chính đề tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết kịp thời./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com